

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2019

V/v ly hôn giữa anh V và chị H

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Thu Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hn;

2. Ông Từ Minh Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1975 “có mặt”

**Bị đơn:** Chị Trần Thị Như H, sinh năm 1976 “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn R, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2019, các lời khai và diễn biến tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:* Anh và chị Trần Thị Như H đăng ký kết hôn năm 1994 tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới chị H về chung sống cùng gia đình anh ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Từ năm 2004 vợ chồng anh xảy ra nhiều mâu thuẫn do chị H thường xuyên đi làm xa rất ít về nhà nên tình cảm vợ chồng không còn. Từ năm 2007 vợ chồng anh đã chấm dứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Chính quyền địa phương cũng đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không

thành. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, đề nghị giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa anh và chị H có 01 con chung là Nguyễn Văn Hòe, sinh năm 1998. Cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đã trưởng thành, anh không đề nghị giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị Như H có hộ khẩu thường trú tại thôn R, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông qua bà Nguyễn Thị Tuyên là mẹ đẻ chị H nhưng chị H không đến Tòa án làm việc, không trình bày lời khai và tại phiên tòa chị H vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, anh V chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chị H đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 271, 272 và 273 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho anh V được ly hôn chị H.

Về nuôi con chung, tài sản, công nợ các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Ngoài ra còn đề xuất giải quyết về án phí và quyền kháng cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Chị H vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn V và chị Trần Thị Như H đăng ký kết hôn năm 1994 tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa anh V và chị H là hôn nhân hợp pháp. Từ năm 2007 anh V và chị H đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay anh V xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên anh khởi kiện xin ly hôn chị H. Quá trình giải quyết vụ án chị H cũng không có ý kiến. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa anh V và chị H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình,

xử cho anh V được ly hôn chị H.

[3] Về nuôi con chung, tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228; khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn V và chị Trần Thị Như H.

3. Về án phí: Anh V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003936 ngày 12/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Từ Minh Hải**

**Nguyễn Thị Hn**

**Tạ Thị Thu Thủy**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã Đ, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Thu Thủy**

